TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 03/2025/LĐ-PT Ngày 20-8-2025 V/v Tranh chấp về tiền lương, trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Quốc

Các Thẩm phán Ông Đinh Tiền Phương

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Khổng Văn Đa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa****:* Bà Nguyễn Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 20 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2025/TLPT-LĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 về việc "Tranh chấp về tiền lương, trợ cấp khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/LĐ-ST ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Thạnh Hóa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2025/QĐ-PT ngày 14 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đoàn Thị H, sinh năm 1966.

Địa chỉ cư trú: Số D, đường N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là số 482/10/36/12, đường N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Bà Phạm Thị Ngọc T, sinh năm 1968.

Địa chỉ cư trú: Số D, đường N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là số 482/10/36/12, đường N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh).

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần C.

Địa chỉ trụ sở chính: Ấp A, xã T, tỉnh Tây Ninh (trước đây là Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Long An).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Đ – Chức danh: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Thành T1, sinh năm 1972.

Địa chỉ cư trú: Số nhà A, đường số A, KDC Cty L, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là số nhà A, đường số A, KDC Cty L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Tổng Công ty N một thành viên.

Địa chỉ trụ sở chính: Số A, đường Đ, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là Số A, đường Đ, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thiết H1 – Chức danh: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Ông Lê Trọng H2 – Chức danh: Phó Giám đốc pháp chế.

+ Ông Ngô Hồng G – Nhân viên Phòng Tài chính-Kế toán.

2. Ông Nguyễn Minh H3, sinh năm 1981.

Địa chỉ cư trú: Số A, đường H, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là số 139, đường H, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Người kháng cáo*: Bà Đoàn Thị H là nguyên đơn.

(Bà H, bà T, ông T1, ông H2, ông G, ông H3 có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn bà Đoàn Thị H cùng người đại diện theo ủy quyền có nội dung như sau:

Trước đây, bà H làm việc tại Tổng Công ty N một thành viên (Viết tắt là Tổng Công ty) sau đó nghỉ việc từ tháng 9/2011 và ký hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần C (viết tắt là Công ty C) từ tháng 10/2011 đến tháng 4/2020.

Ngày 02/3/2011, Công ty C đã ký Hợp đồng góp vốn đầu tư số 01/2011/HĐGV-SGVH với Tổng Công ty để thực hiện dự án xây dựng Nhà máy C1 tại Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Long An. Dự án đang trong giai đoạn thi công các công trình thì khoảng cuối tháng 5/2015, Tổng Công ty N tạm dừng thực hiện dự án để xin chủ trương của Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành thoái vốn tại Công ty C (đã được chấp thuận). Theo kế hoạch thì Tổng Công ty góp một phần vốn theo dự kiến làm chi phí hoạt động cho Công ty C đến khi việc thoái vốn hoàn tất. Tuy nhiên, UBND Thành phố H có chủ trương ngưng không cho doanh nghiệp thoái vốn.

Đến hết Quý I năm 2017, Công ty C không còn nguồn vốn để đảm bảo hoạt động và gặp khó khăn về vấn đề tài chính. Từ tháng 4/2017 đến Quý I năm 2020, Công ty C còn nợ bà H 560.594.000 đồng tiền lương. Tại "*Bảng kê chi tiết nợ lương người lao động tới thời điểm 31/12/2021*" ngày 18/02/2022 đã ghi nhận số tiền lương cụ thể của từng mốc thời gian mà Công ty C còn nợ người lao động được ông Nguyễn Minh H3 – Giám đốc Công ty C thời điểm hiện tại ký tên, đóng dấu công ty xác nhận (đối với tiền ăn, tiền lễ, tết, tiền lương tháng 13 được thể hiện rõ trong biên bản đại hội cổ đông của Công ty C đã cho ý kiến thống nhất và quy định rõ số tiền cụ thể).

Ngoài ra, Công ty C còn nợ bà H số tiền nghỉ việc theo chế độ quy định. Cụ thể, căn cứ Quyết định 01/CV-CT ngày 04/5/2020 về việc chấm dứt Hợp đồng lao động ghi nhận thời gian công tác: 01/10/2011 đến 04/5/2020, trong đó: Thời gian Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc 03 năm 03 tháng (01/10/2011 – 31/12/2014) làm tròn 3,5 năm; một năm nhận ½ tháng lương (thời gian không tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định). Tiền lương bình quân 06 tháng liền kề trước khi nghỉ việc để tính trợ cấp thôi việc là 13.000.000 đồng: (13.000.000 đồng x ½) x 3.5 = 22.750.000 đồng. Sau ngày 31/12/2014, Công ty đã thực hiện chế độ bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm xã hội theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội cho bà H nên không có nghĩa vụ chi trả.

Ngày 01/10/2022, bà H có gửi thông báo đến Công ty C yêu cầu Công ty phải thanh toán số tiền trên nhưng không được phản hồi. Ngày 19/12/2022, bà H tiếp tục gửi văn bản yêu cầu. Đến ngày 30/12/2022, Công ty C có Văn bản số 64/SGVH-2022 về việc phúc đáp văn bản đã trả lời "*Công ty C đang gặp khó khăn, không còn kinh phí để duy trì hoạt động; do vậy trong giai đoạn này, Công ty C không có tiền để thanh toán tiền lương và số tiền bà Đoàn Thị H đã Tạm ứng cho Công ty C mượn*"; ông Lê Trọng H2 – Giám đốc Công ty C (nhân viên Tổng Công ty) đã ký tên, đóng dấu xác nhận.

Nay, người đại diện theo ủy quyền của bà H xác định bà H khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần C phải trả số tiền 583.344.000 đồng (bao gồm số tiền nợ lương là 560.594.000 đồng và số tiền nghỉ việc theo chế độ quy định là 22.750.000 đồng) và yêu cầu trả lãi của khoản tiền lương tính từ tháng 4/2017 đến Quý I năm 2020, theo mức lãi suất 1,7%/năm, số tiền lãi tính đến 28/02/2025 là 56.618.470 đồng.

Bị đơn Công ty Cổ phần C do ông Trương Thành T1 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty C là công loại hình Công ty cổ phần. Trong thời gian từ năm 2011 đến tháng 11/2023, Công ty C là công ty con của Tổng Công ty và các cổ đông: Ông Nguyễn Văn Đ và ông Nguyễn Vĩnh T2. Bà H là người lao động của Tổng Công ty được bổ nhiệm làm kế toán trưởng tại Công ty C, đến năm 2022 thì bà đã trở lại làm việc tại Tổng Công ty. Đến nay thì bà H đã nghỉ hưu theo chế độ.

Như vậy, về quan hệ lao động giữa bà H và Công ty C có liên quan đến Tổng Công ty. Tuy nhiên tại hồ sơ khởi kiện, nguyên đơn chưa cung cấp các chứng cứ, tài liệu có mối quan hệ lao động với Tổng Công ty hay Công ty C mà

chỉ cung cấp bảng kê nợ lương do chính bà H lập và Giám đốc ông Nguyễn Minh H3 ký.

Ông T1 đại diện theo ủy quyền của công ty C chỉ đồng ý trả khoản tiền lương từ tháng 4/2017 đến hết tháng 10/2017 là 91.000.000 đồng, với mức lương theo hợp đồng là 13.000.000 đồng/tháng. Từ tháng 11/2017 trở về sau thì Công ty C không đồng ý; các khoản chi khác gồm tiền ăn trưa, tiền lương ngày lễ và tết, tiền lương tháng 13 thì Công ty C không đồng ý. Bởi lẽ, Tổng Công T3 đã ký hợp đồng với bà H từ tháng 11/2017 đến khi nghỉ hưu và trong các biên bản làm việc thì đều có nêu nội dung bà H làm việc cho Tổng Công ty, được phân công thực hiện kiêm nhiệm kế toán trưởng tại Công ty C.

Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu Công ty C phải trả số tiền công lao động là 583.344.000 đồng thì Công ty C có ý kiến sau:

- Về tiền lương, Công ty C chỉ đồng ý trả số tiền 91.000.000 đồng.

- Đối với tiền trợ cấp thôi việc, Công ty C không đồng ý vì Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với bà H do Giám đốc trước đó ký chưa phù hợp, cần phải xem xét lại.

- Đối với yêu cầu tính lãi 1,7%/năm, ông T1 đại diện theo ủy quyền của Công ty C thống nhất trả lãi phát sinh theo mức lãi suất 1.7%/năm trên số tiền 91.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tổng Công ty N một thành viên do ông Lê Trọng H2 và ông Ngô Hoàng G1 đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày:

Theo Bản án số 75/2023/KDTM-PT ngày 10/7/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh thì Tổng Công ty không còn là cổ đông sáng lập của Công ty C và Công ty C là pháp nhân kế thừa các quyền, nghĩa vụ. Do đó, tất cả các công nợ phát sinh trước thời gian Bản án số 75/2023/KDTM-PT có hiệu lực pháp luật sẽ do Công ty C chịu trách nhiệm giải quyết.

Nay, bà H khởi kiện yêu cầu Công ty C phải trả số tiền công lao động, tiền trợ cấp thôi việc, tiền lãi phát sinh thì Tổng Công ty không có ý kiến gì về tranh chấp này vì đây là tranh chấp phát sinh giữa bà H với Công ty C. Tổng Công ty đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh H3 trình bày:

Trước đây ông H3 có thời gian làm Giám đốc của Công ty C. Trong khoảng thời gian ông H3 làm tại Công ty C, hằng năm Công ty C xây dựng kế hoạch hoạt động nhưng thực tế không hoạt động kinh doanh, do không có nguồn vốn, chỉ thực hiện báo cáo tài chính hằng năm và giải quyết các khoản nợ với những Công ty khác.

Việc ông H3 đại diện Công ty C ký xác nhận nợ lương là theo văn bản trình của kế toán. Nay bà H khởi kiện, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2025/LĐ-ST ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Thạnh Hóa đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị H đối với Công ty Cổ phần C.

Buộc Công ty Cổ phần C phải thanh toán cho bà Đoàn Thị H số tiền 226.790.317 đồng (hai trăm hai mươi sáu triệu bảy trăm chín mươi nghìn ba trăm mười bảy đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu chậm thi hành án; án phí; quyền kháng cáo; quyền yêu cầu, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án.

Ngày 25/3/2025, Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa nhận được đơn kháng cáo của bà Đoàn Thị H là nguyên đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, đồng thời vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại cấp sơ thẩm và bổ sung thêm như sau:

Người đại diện của nguyên đơn là bà Phạm Thị Ngọc T trình bày:

Nguyên đơn thống nhất với bản án sơ thẩm về việc xác định hợp đồng lao động số 01/HĐLĐ-SGVH ngày 01/10/2011 là hợp đồng không xác định thời hạn, bị đơn đã trả lương từ tháng 10/2011 đến tháng 3/2017, mức lãi suất chậm trả lương 1,7%/năm và nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn 33.860.000 đồng gồm tiền ăn trưa, tiền lương lễ tết năm 2017 và trợ cấp thôi việc.

Nguyên đơn không đồng ý với nhận định bị đơn đã ngừng hoạt động từ tháng 11/2017, bởi bị đơn không chứng minh việc đăng ký tạm ngừng kinh doanh, trong khi tra cứu tại Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và hệ thống thuế vẫn thể hiện bị đơn đang hoạt động. Nguyên đơn cũng không đồng ý với nhận định hợp đồng lao động số 01 "chuyển tiếp" sang hợp đồng số 56, vì pháp luật không quy định trường hợp này; hợp đồng số 01 vẫn còn hiệu lực và thực tế nguyên đơn làm việc cho bị đơn đến ngày 04/5/2020, được thể hiện trong nhiều văn bản và được chính bị đơn xác nhận. Theo bảng kê nợ lương ngày 18/02/2022, bị đơn còn nợ nguyên đơn 493.594.000 đồng tiền lương.

Ngoài ra, nguyên đơn cho rằng bị đơn còn nợ tiền thưởng lễ, tết và tháng lương thứ 13 của các năm 2017, 2018, 2019 với tổng số tiền 61.000.000 đồng. Về tiền lãi chậm trả, nguyên đơn yêu cầu tính lãi trên số tiền lương còn nợ theo mức 1,7%/năm từ ngày 05/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm, tạm tính 40.943.960 đồng và tiếp tục tính cho đến khi bị đơn thanh toán xong.

Từ đó, nguyên đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc bị đơn thanh toán tổng cộng 629.397.960 đồng, gồm tiền lương còn nợ, tiền thưởng lễ tết, trợ cấp thôi việc và tiền lãi do chậm trả.

Người đại diện của bị đơn là ông Trương Thành T1 trình bày:

Công ty C là công ty cổ phầC, trong giai đoạn từ năm 2011 đến tháng 11/2023 là công ty con của Tổng Công ty N một thành viên cùng với các cổ đông khác. Bà Đoàn Thị H vốn là lao động của Tổng Công ty, được phân công giữ chức vụ kế toán trưởng tại Công ty C, đến năm 2022 thì trở lại làm việc tại Tổng Công ty và nay đã nghỉ hưu. Do đó, quan hệ lao động của bà H có liên quan đến Tổng Công ty, chứ không chỉ riêng Công ty C.

Nguyên đơn chưa cung cấp đầy đủ tài liệu chứng minh quan hệ lao động trực tiếp với Công ty C, mà chủ yếu dựa vào bảng kê nợ lương do chính bà H lập và có chữ ký xác nhận của ông Nguyễn Minh H3 - Giám đốc Công ty trước đây. Bị đơn chỉ thừa nhận còn nợ bà H tiền lương từ tháng 4/2017 đến hết tháng 10/2017, tổng cộng 91.000.000 đồng, tính theo mức lương 13.000.000 đồng/tháng theo hợp đồng đã ký. Từ tháng 11/2017 trở đi, bị đơn không chấp nhận vì thời điểm đó bà H được Tổng Công tN ký hợp đồng lao động và phân công kiêm nhiệm tại Công ty C.

Đối với các khoản khác như tiền ăn trưa, tiền thưởng lễ tết, lương tháng 13, bị đơn không đồng ý vì đây không phải là nghĩa vụ của Công ty C. Về trợ cấp thôi việc, bị đơn cũng không chấp nhận do Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động trước đây chưa đúng quy định và cần phải được xem xét lại. Riêng về tiền lãi chậm trả, bị đơn đồng ý thanh toán lãi phát sinh theo mức 1,7%/năm, nhưng chỉ tính trên số tiền lương 91.000.000 đồng mà bị đơn thừa nhận còn nợ.

Đại diện theo ủy quyền của Tổng Công ty N một thành viên, ông Lê Trọng H2 và ông Ngô Hoàng G1 trình bày:

Theo Bản án số 75/2023/KDTM-PT ngày 10/7/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Tổng Công ty không còn là cổ đông sáng lập của Công ty C, và Công ty C là pháp nhân kế thừa các quyền và nghĩa vụ. Do đó, tất cả các công nợ phát sinh trước thời điểm bản án này có hiệu lực pháp luật sẽ do Công ty C chịu trách nhiệm giải quyết.

Về tranh chấp hiện tại giữa bà Đoàn Thị H và Công ty C liên quan đến tiền lương, trợ cấp thôi việc và lãi chậm trả, Tổng Công ty không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật, vì đây là tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và Công ty C.

Ông Nguyễn Minh H3 trình bày:

Trong thời gian ông là Giám đốc Công ty C, công ty T4 không hoạt động kinh doanh do thiếu nguồn vốn, chỉ thực hiện các báo cáo tài chính hàng năm và giải quyết các khoản nợ với các công ty khác. Việc ông ký xác nhận bảng kê nợ lương nguyên đơn là dựa trên văn bản trình của bộ phận kế toán. Ông đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết vụ việc theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tính hợp lệ của kháng cáo: Đơn kháng cáo nằm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết yêu cầu kháng cáo: sau khi nghiên cứu toàn bộ hồ sơ vụ án, xem xét các chứng cứ, tài liệu, biên bản, hợp đồng lao động và các văn bản liên quan, thấy rằng quan hệ lao động giữa bà Đoàn Thị H và Công ty Cổ phần C được xác lập từ Hợp đồng lao động số 01/HĐLĐ-SGVH ngày 01/10/2011 và chấm dứt theo Quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động số 01/CV-CT ngày 04/5/2020. Mặc dù từ tháng 11/2017 bà H ký hợp đồng lao động với Tổng Công ty N một thành viên, nhưng theo Điều 21 Bộ luật Lao động 2012 và Điều 19 Bộ luật Lao động 2019, người lao động có quyền giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động. Theo Bảng kê chi tiết nợ lương, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính và các tài liệu liên quan thể hiện công việc, lương và nhiệm vụ bà H thực hiện cho Công ty C thì nguyên đơn vẫn thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo Hợp đồng lao động số 01 như lập báo cáo thuế, quyết toán tài chính. Do đó, bà H yêu cầu trả tiền lương từ tháng 4/2017 đến ngày 04/5/2020 là có căn cứ chấp nhận.

Về tiền thưởng ngày L, Tết và lương tháng 13 của các năm 2017, 2018 và 2019, căn cứ Bảng kê chi tiết nợ lương người lao động ngày 18/02/2022, do ông Nguyễn Minh H3 - người đại diện theo pháp luật của Công ty C ký xác nhận, Công ty còn nợ bà H tổng cộng 67.000.000 đồng, trong khi cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận 6.000.000 đồng, là chưa phù hợp. Vì vậy, cần chấp nhận kháng cáo để buộc bị đơn thanh toán phần còn lại 61.000.000 đồng.

Về tiền lãi do chậm trả lương: Việc Công ty C chậm trả lương cho nguyên đơn là vi phạm khoản 4 Điều 97 Bộ luật Lao động 2019 và điểm b khoản 2 Điều 24 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi trên số tiền lương còn nợ với mức 1,7%/năm, từ ngày 05/5/2020 đến ngày 20/3/2025, tương đương 1.781 ngày chậm trả, là đúng pháp luật nên cần được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người được Tòa án triệu tập có mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hoặc đã được triệu tập hợp lệ, Tòa án tiến hành xét xử theo trình tự phúc thẩm là phù hợp quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định thẩm quyền Tòa án giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng và xét xử theo trình tự sơ thẩm là

phù hợp với quy định tại Điều 32, 35, 39, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, bản án sơ thẩm đảm bảo thủ tục tố tụng.

Về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Đoàn Thị H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4] Về quan hệ lao động và tiền lương:

Công ty C thành lập vào năm 2010 và từ năm 2011, Tổng Công ty là thành viên góp vốn của Công ty C. Trước đây bà H làm việc tại Tổng Công ty, sau khi Công ty C thành lập thì Tổng Công ty điều chuyển bà H đến làm việc tại Công ty C. Bà Đoàn Thị H ký Hợp đồng lao động số 01/HĐLĐ-SGVH ngày 01/10/2011 với Công ty Cổ phần C, loại hợp đồng không xác định thời hạn, giữ chức vụ Kế toán trưởng, làm việc theo giờ hành chính, 40 giờ/tuần. Theo hồ sơ, bị đơn đã trả đầy đủ tiền lương cho nguyên đơn từ tháng 10/2011 đến tháng 3/2017.

Căn cứ Quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động số 01/CV-CT ngày 04/5/2020, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính các năm 2017–2020, Bảng kê chi tiết nợ lương người lao động ngày 18/02/2022, đều xác nhận bà H tiếp tục thực hiện công việc theo hợp đồng lao động số 01 đến ngày 04/5/2020.

Mặc dù từ tháng 11/2017, bà H đồng thời ký Hợp đồng lao động số 56/HĐLĐ-TCT với Tổng Công tN với thời gian làm việc từ thứ hai đến thứ sáu, làm theo giờ hành chính 40 giờ/tuần. Tuy nhiên, Điều 21 Bộ luật Lao động năm 2012 và Điều 19 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định: "*Người lao động có thể giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, nhưng phải bảo đảm thực hiện đầy đủ các nội dung đã giao kết*". Trong thời gian này, bà H vẫn thực hiện đầy đủ các công việc tại Công ty C như lập báo cáo thuế, quyết toán tài chính. Công ty C có Quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động số 01/CV-CT ngày 04/5/2020. Việc bà H làm việc cho Tổng Công ty được trả lương trong thời gian hợp đồng lao động với Công ty C còn hiệu lực không phải là căn cứ chấm dứt hợp đồng. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lương từ tháng 11/2017 đến tháng 04/2020 với mức lương 13.000.000 đồng/tháng, tổng cộng 493.594.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về tiền lương ngày L, Tết và tiền lương tháng 13 các năm 2017, 2018 và 2019: Căn cứ Bảng kê chi tiết nợ lương người lao động ngày 18/02/2022 do ông Nguyễn Minh H3 là người đại diện theo pháp luật của Công ty C ký xác nhận tới thời điểm 31/12/2021 Công ty còn nợ bà H tổng cộng 67.000.000 đồng. Bản án sơ thẩm chỉ chấp nhận 6.000.000 đồng là chưa phù hợp với chứng cứ xác thực và các biên bản Đại hội đồng cổ đông phê duyệt khoản chi này. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, buộc bị đơn thanh toán phần còn lại 61.000.000 đồng.

[6] Về tiền lãi chậm trả tiền lương: Căn cứ khoản 4 Điều 97 Bộ luật Lao động năm 2019 và điểm b khoản 2 Điều 24 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP của

Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Bộ luật Lao động thì: Nếu thời gian trả lương chậm từ 15 ngày trở lên, người sử dụng lao động phải trả thêm tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất trần huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng do Ngân hàng N1 công bố tại thời điểm trả lương. Trong vụ án này, tiền lương bị chậm thanh toán từ ngày 05/5/2020 (ngày tiếp theo của ngày làm việc cuối cùng), tính đến ngày 20/3/2025 (ngày xét xử sơ thẩm), tương đương 1.781 ngày, với số tiền lãi là 40.943.960 đồng. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[7] Từ những phân tích trên, nguyên đơn kháng cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Sửa một phần bản án sơ thẩm như ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tổng số tiền 629.397.960 đồng.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Công ty C phải chịu 16.587.959 đồng án phí về tranh chấp lao động có giá ngạch.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đoàn Thị H không phải chịu.

[10] Những phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đoàn Thị H.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/LĐ-ST ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Thạnh Hóa.

Căn cứ các Điều 32, 35, 39, 147, 148 và 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 34, 46, 48, 90, 95 và 97 của Bộ luật Lao động 2019; các Điều 12, 26 và 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị H đối với Công ty Cổ phần C.

Buộc Công ty Cổ phần C phải thanh toán cho bà Đoàn Thị H số tiền 629.397.960 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần C phải chịu 16.587.959 đồng án phí tranh chấp về lao động.

- Hoàn trả cho bà Đoàn Thị H số tiền 683.000 đồng (sáu trăm tám mươi ba nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004007 ngày 29/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đoàn Thị H không phải chịu.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 2 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tấn Quốc